

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **56/2018/HSST**
Ngày: 15-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phán

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trọng Tính, ông Phạm Văn Khuyến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2018/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn L (tên gọi khác: L Tôm), sinh năm: 1977 tại: Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT: thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Hoàng Văn S1, sinh năm: 1952; Họ và tên mẹ: Đào Thị C, sinh năm: 1954; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978 và 03 người con, lớn nhất sinh năm: 1999, nhỏ nhất sinh năm: 2013.

Ngày 25/10/2017 có hành vi cùng đồng phạm đánh bạc T thua bằng tiền. bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng khởi tố và ra Lệnh bắt để tạm giam. Bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, sau đó ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Phú Riềng đến ngày 22/01/2018 thì được tại ngoại.

Tiền án: Ngày 07/10/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 tháng 06 ngày tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số 85/2016/HSST ngày 07/10/2016, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. (Bản án chưa được xóa án tích).

Tiền sự: không.

2. Họ và tên: Lê Văn S2(tên gọi khác: S2 Lanh), sinh năm: 1976 tại: Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT: thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Lê Văn L, sinh năm: 1959; Họ và tên mẹ: Bùi Thị H, sinh năm: 1959; Bị cáo có vợ tên V Thị Mỹ H, sinh năm: 1982 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm: 2004.

Ngày 25/10/2017 có hành vi cùng đồng phạm đánh bạc T thua bằng tiền. Bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng khởi tố và ra Lệnh bắt để tạm giam. Bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, sau đó ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2017 tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Phú Riềng đến ngày 05/01/2018 thì được tại ngoại.

Tiền án, tiền sự: không.

3. Họ và tên: Hoàng Văn H (tên gọi khác: H Què), sinh năm: 1962 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT: thôn 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Hoàng Văn H1 (đã chết); Họ và tên mẹ: Lê Thị N (đã chết); Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị O, sinh năm: 1968 và 02 người con sinh năm 1988 và 1990.

Ngày 25/10/2017 có hành vi cùng đồng phạm đánh bạc T thua bằng tiền và bị bắt quả tang. Bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng khởi tố và ra Lệnh tạm giam. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2017 tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Phú Riềng đến ngày 29/01/2018 thì được tại ngoại.

Trước đó, năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại bản án số: 72/2006/HSST ngày 30/11/2006 (bản án đã được xóa án tích).

Tiền án: Tiền sự: không.

4. Họ và tên: Phạm Đình T, sinh năm: 1987 tại Bình Phước; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Phạm T1, sinh năm: 1950; Họ và tên mẹ: Kiều Thị T2, sinh năm: 1952; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kiều X, sinh năm: 1985 (đã ly hôn) và 02 người con sinh năm 2005 và 2016.

Ngày 25/10/2017 có hành vi cùng đồng phạm đánh bạc T thua bằng tiền và bị bắt quả tang. Bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng khởi tố và ra Lệnh tạm giam. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2017 tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Phú Riềng đến ngày 29/01/2018 thì được tại ngoại.

Tiền án: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 15/2013/HSST ngày 27/9/2013. Bị cáo đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

5. Họ và tên: Trần Văn H4, sinh năm: 1985 tại: Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT: thôn V, xã L, huyện P, T phố Hà Nội; Chỗ ở: Thôn 7, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: thợ cửa sắt; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Trần Văn T, sinh năm: 1947; Họ và tên mẹ: Đỗ Thị H, sinh năm: 1945; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị A, sinh năm: 1985 và 02 người con sinh năm 2007 và 2011.

Ngày 25/10/2017 có hành vi cùng đồng phạm đánh bạc T thua bằng tiền và bị bắt quả tang. Bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng khởi tố và ra Lệnh tạm giam. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2017 tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Phú Riềng đến ngày 05/01/2018 thì được tại ngoại.

Tiền án, tiền sự: không.

6. Họ và tên: Nguyễn Lê G, sinh năm: 1975 tại: Hưng Yên; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Lê H (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1927; Bị cáo có vợ tên Hà Thị H, sinh năm: 1975 (đã ly hôn), có 02 người con sinh năm 2001 và 2003.

Ngày 25/10/2017 có hành vi cùng đồng phạm đánh bạc T thua bằng tiền và bị bắt quả tang. Bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng khởi tố và ra Lệnh tạm giam. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2017 tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Phú Riềng đến ngày 05/01/2018 thì được tại ngoại.

Tiền án, tiền sự: Không có.

7. Họ và tên: Trịnh Duy K, sinh năm: 1986 tại: Kiên Giang; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: thợ sửa máy cưa; trình độ học vấn: Lớp 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Họ và tên cha: Trịnh Ngọc Đ, sinh năm: 1959; Họ và tên mẹ: Đoàn Thị M, sinh năm: 1959; Bị cáo có vợ tên Dương Thị Thái L, sinh năm: 1986 và 01 người con sinh năm 2014.

Ngày 25/10/2017 có hành vi cùng đồng phạm đánh bạc T thua bằng tiền và bị bắt quả tang. Bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng khởi tố và ra Lệnh tạm giam. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2017 tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Phú Riềng đến ngày 05/01/2018 thì được tại ngoại.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1987, địa chỉ: thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt);
- Đỗ Phan Huyền V, sinh năm 1978, địa chỉ: thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (có mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 25-10-2017, Hoàng Văn L đi nhờ xe đến nhà Lê Văn S2 tại thôn 4, xã L, huyện P để chơi đánh bạc dưới hình Tc đánh xóc đĩa T thua bằng tiền. Khi L đến nhà S2 thì gặp Hoàng Văn H, Trịnh Duy K, Nguyễn Lê G, Trần Văn H4, Phạm Đình T và một số đối tượng (chưa rõ nhân thân lai lịch) đang ở đây. Sau đó, S2 đưa cho L 04 lá bài tây và 01 cái kéo để L cắt 04 con vị hình tròn từ các lá bài tây trên rồi S2 lấy trong nhà ra 01 chiếu hoa trải ra ở bãi đất trống trước nhà và lấy 01 cái bát bằng sành, 01 cái đĩa bằng sành mang ra để ở trên chiếu hoa (BL 176, 179, 780, 181, 184). Sau đó, L làm cái xóc đĩa chắn lẻ, còn S2 làm cái Sen Cô để tất cả cùng chơi đánh bạc dưới hình Tc đánh xóc đĩa T thua bằng tiền. Trong lúc L và các con bạc đang chơi đánh bạc thì có Hoàng Văn P, Hoàng Ngọc Q, Phạm Văn U, Trần Quốc P1 và Đỗ Phan Huyền V đứng xem.

Hình Tc đánh chắn lẻ: Dùng miếng giấy hình tròn cắt ra từ lá bài tây, có hai mặt đen và hai mặt trắng được gọi là “bốn con vị” rồi bỏ vào một cái đĩa sành, sau đó dùng một cái bát sành úp vào đĩa sành, người làm cái xóc đĩa lên rồi để xuống chiếu bạc còn những người khác đặt tiền gọi là con bạc. Một người đứng ra làm cái, còn các con bạc trên chiếu bạc lựa chọn đặt tiền vào hai cửa là bên chắn và bên lẻ. Khi các con bạc đặt cược xong thì người làm cái mở đĩa kiểm tra. Nếu bốn con vị cùng màu trắng hoặc màu đen hay hai con vị màu trắng, hai con vị màu đen thì gọi là chắn. Nếu một con vị khác màu với 03 con vị còn lại thì gọi là lẻ. Tùy theo kết quả này mà người làm cái sẽ thu số tiền những người thua cuộc và phải trả số tiền tương ứng với số tiền đã đặt cược cho những người T cuộc.

Hình Tc đánh Sen Cô: Người làm cái Sen Cô dùng 04 lá bài lấy ra trong bộ bài tây gồm 01 lá bài 03 đỏ, 01 lá bài 03 đen, 01 lá bài 04 đỏ và 01 lá bài 04 đen rồi để ngửa 04 lá bài trên xuống chiếu bạc làm 04 cửa đặt để các con bạc đặt cược, sau đó dựa vào kết quả dờ bát của hình Tc đánh chắn lẻ để xác định T thua với các con bạc, nếu con bạc đặt vào cửa lá bài 03 thì tỷ lệ T thua là 1 ăn 3,5 còn nếu đặt vào cửa lá bài 04 thì tỷ lệ là 1 ăn 10.

Mỗi ván các con bạc đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 1.000.000 đồng. L trực tiếp cầm cái chắn lẻ, còn S2 cầm cái Sen Cô.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc các con bạc đang đánh bạc xóc đĩa T thua bằng tiền thì bị Công an huyện Phú Riềng phối hợp với công an tỉnh

Bình Phước, công an xã Bù Nho bắt quả tang đối với H, K, H4, G, T, P, Q, U còn tất cả bỏ chạy thoát.

Vật chứng thu giữ: (BL 129 – 132)

Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 26.150.000 đồng, 01 cái bát bằng sành, 01 cái đĩa bằng sành, 01 cái chiếu hoa đã qua sử dụng, 04 con vị hình tròn và 01 bộ bài tây chưa qua sử dụng.

Thu giữ trên người của H4 số tiền 20.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 và 01 ví da; trên người của G số tiền 30.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 và 01 ví da; trên người của K số tiền 40.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4; trên người của P số tiền 8.800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Glaxy J7, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 và 01 ví da; trên người của H số tiền 3.675.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 màu hồng và 01 ví da; trên người của T số tiền 270.000 đồng, điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh và 01 ví da; trên người Q số tiền 8.650.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu trắng và 01 ví da; trên người U số tiền 5.220.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1 màu trắng và 01 ví da.

Thu giữ tại địa điểm đánh bạc các phương tiện gồm: 01 xe mô tô hiệu Exiter, màu xanh, biển số 93P2 – 073.33; 01 xe mô tô hiệu Winner, màu xanh – đỏ, biển số: 93P1 – 962.38; 01 xe mô tô hiệu Wave RSX, màu đỏ - đen, biển số: 93P1 – 158.12; 01 xe mô tô hiệu Shozuka Sirius, biển số: 93T8 – 7503; 01 xe mô tô hiệu Exiter, màu đỏ - đen, biển số: 93P1- 128.65; 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha, biển số: 35N2 – 9817; 01 xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen, biển số: 93P1 – 835.51 và 01 xe mô tô hiệu Dream, biển số: 93K1 – 167.31

Ngày 01/11/2017, Đỗ Phan Huyền V đến Cơ quan điều tra giao nộp số tiền 3.600.000 đồng. (133)

Ngày 06/12/2017 và ngày 20/12/2017, Lê Văn S2 và Hoàng Văn L đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm. (BL 15, 31)

Quá trình điều tra xác định các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau:

L sử dụng số tiền 2.900.000 đồng vào mục đích đánh bạc, không rõ T hay thua, khi bỏ chạy thì tiền để trên chiếu bạc;

S2 sử dụng 3.300.000 đồng đánh bạc thì thua hết khoảng 1.500.000 đồng, khi bỏ chạy bỏ lại tiền trên chiếu bạc;

H4 sử dụng 1.800.000 đồng đánh bạc, thua hết 1.000.000 đồng, H4 đặt ván cuối với số tiền 700.000 đồng thì bị công an bắt quả tang nên H4 bỏ số tiền 100.000 đồng còn lại xuống dưới chiếu bạc;

K mang theo 1.140.000 đồng và sử dụng 500.000 đồng dùng để đánh bạc, đánh ván đầu T được 100.000 đồng, đang đánh ván T hai thì bị công an đến bắt quả

tang nên K mang số tiền 1.100.000 đồng bỏ chạy thì bị rớt ở đâu không rõ, cơ quan điều tra không thu hồi được;

G sử dụng 980.000 đồng vào mục đích đánh bạc thì thua hết 950.000 đồng, còn lại 30.000 đồng bị thu giữ;

H sử dụng số tiền 3.675.000 đồng vào mục đích đánh bạc thì không T không thua, khi bị bắt bị thu giữ trên người số tiền 3.675.000 đồng;

T sử dụng 1.270.000 đồng vào mục đích đánh bạc thì thua hết 1.000.000 đồng, khi bị bắt thu giữ số tiền 270.000 đồng còn lại trên người T.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 30.625.000 đồng. Bao gồm: số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 26.150.000 đồng, số tiền thu giữ trên người các bị cáo trong quá trình điều tra chứng minh được là các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 3.975.000 đồng và số tiền K sử dụng vào mục đích đánh bạc nhưng làm rơi mất trong quá trình bỏ chạy là 500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 44/CT-VKS-PR ngày 12-6-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo: Hoàng Văn L; Lê Văn Sơn; Hoàng Văn H; Trần Văn H4; Trịnh Duy K; Phạm Đình T và Nguyễn Lê G về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 33; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. các điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L từ 09 đến 12 tháng tù;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 33; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS;

- Xử phạt bị cáo Lê Văn S2 từ 06 đến 09 tháng tù;

3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 33; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 03 tháng 04 ngày tù (bằng thời gian tạm giam);

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 33; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. các điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Phạm Đình T 03 tháng 04 ngày tù (bằng thời gian tạm giam);

5. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 33; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H4 từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

- Xử phạt bị cáo Trịnh Duy K từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê G từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số: 44/CT-VKS-PR ngày 12-6-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đã truy tố.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp về thời gian và địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với tang vật của vụ án và những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở đó đã xác định được: Do muốn kiếm tiền trái pháp luật nên ngày 25-10-2017 các bị cáo: Hoàng Văn L; Lê Văn Sơn; Hoàng Văn H; Trần Văn H4; Trịnh Duy K; Phạm Đình T và Nguyễn Lê G đi đến nhà Lê Văn S2 tại thôn 4, xã L, huyện P để cùng chơi đánh bạc dưới hình Tc đánh xóc đĩa T thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 30.625.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn L; Lê Văn Sơn; Hoàng Văn H; Trần Văn H4; Trịnh Duy K; Phạm Đình T và Nguyễn Lê G thực hiện có đủ dấu hiệu cấu T tội “đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng và là nguyên nhân gây nên các tội phạm khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo đều đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, làm chủ được hành vi của mình và nhận Tc được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật và bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện nhằm có tiền một cách nhanh chóng mà không phải lao động. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người trực tiếp tham gia đánh bạc. Trong đó bị cáo Hoàng Văn L và bị cáo Lê Văn Sơn là người giữ vai trò chính, bị cáo Hoàng Văn L là người cầm cái xóc đĩa chắn lẻ, còn bị cáo Lê Văn S2 là người cầm cái Sen Cô để tất cả cùng chơi đánh bạc dưới hình Tc đánh xóc đĩa T thua

bằng tiền. Bị cáo Hoàng Văn L sử dụng số tiền 2.900.000 đồng vào việc đánh bạc, còn bị cáo Lê Văn S2 sử dụng số tiền 3.300.000 đồng vào việc đánh bạc. Sau khi phạm tội, bị cáo Hoàng Văn L và bị cáo Lê Văn S2 cùng bỏ trốn và bị truy nã, sau đó ra đầu thú.

Đối với bị cáo Hoàng Văn L: Ngày 07/10/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 tháng 06 ngày tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số 85/2016/HSST ngày 07/10/2016, bị cáo đã chấp hành xong bản án, nhưng chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, gây khó khăn cho cơ quan tố tụng và thể hiện bị cáo là người thiếu ý Tc chấp hành pháp luật. Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo T khẩn khai báo nên được Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng tình tiết “T khẩn khai báo” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng không cho bị cáo hưởng tình tiết “ăn năn hối cải” do bị cáo tái phạm. Ngày 20/12/2017 bị cáo ra đầu thú nên được cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo Lê Văn S2 là người sử dụng chiếu, bát, đĩa, bài tây và kéo... là công cụ tạo điều kiện hình T xõng bạc ngay tại khu vực gần nhà mình, là người cầm cái Sen Cô, sử dụng số tiền 3.300.000 đồng vào việc đánh bạc, sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị truy nã, đến ngày 06/12/2017 bị cáo ra đầu thú. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo T khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; ngày 06/12/2017 bị cáo ra đầu thú, hiện bị cáo một mình đang nuôi con nhỏ do vợ chồng bị cáo đã ly hôn, nên được Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng các tình tiết “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “T khẩn khai báo”; “ăn năn hối cải” quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và không có tình tiết tăng nặng. Xét thấy, bị cáo có nơi thường trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa bản thân, làm người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Hoàng Văn H là người sử dụng số tiền 3.675.000 đồng vào việc đánh bạc, là người sử dụng số tiền lớn nhất so với các bị cáo khác trong cùng vụ án. Năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại bản án số: 72/2006/HSST ngày 30/11/2006, hiện bị cáo đã được xóa án tích. Lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp tái phạm, tuy nhiên thể hiện bị cáo là người đã bị kết án về tội “đánh bạc”, đồng thời bị cáo là người lớn tuổi nhất so với các bị cáo khác trong vụ án, nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân T người có ích cho gia đình và xã hội. Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo T khẩn khai báo nên được Hội đồng xét xử

xem xét cho hưởng tình tiết “T khẩn khai báo” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng không cho bị cáo hưởng tình tiết “ăn năn hối cải”.

Bị cáo Phạm Đình T là người sử dụng số tiền 1.270.000 đồng vào việc đánh bạc. Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 15/2013/HSST ngày 27/9/2013, bị cáo đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo T khẩn khai báo nên được Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng tình tiết “T khẩn khai báo” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng không cho bị cáo hưởng tình tiết “ăn năn hối cải” do bị cáo tái phạm. Hiện bị cáo đã ly hôn, một mình đang nuôi con nhỏ, là lao động duy nhất trong gia đình, nên được cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo H và bị cáo T đã bị tạm giữ, tạm giam 03 tháng 04 ngày, kể từ ngày cho tại ngoại đến nay các bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào, nên xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giam các bị cáo, tạo cơ hội cho các bị cáo làm người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Trần Văn H4 sử dụng 1.800.000 đồng; bị cáo Nguyễn Lê G sử dụng 980.000 đồng và bị cáo Trịnh Duy K sử dụng 500.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc. Các bị cáo cùng là người chưa có tiền án, tiền sự, là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo T khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; các bị cáo là lao động chính trong gia đình, riêng bị cáo G hiện đã ly hôn là lao động duy nhất hiện đang nuôi con chưa T niên và bị cáo H4 có bác ruột là Liệt sỹ, nên được Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng các tình tiết “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “T khẩn khai báo”; “ăn năn hối cải” quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều bị tạm giữ, tạm giam 02 tháng 10 ngày, kể từ ngày cho tại ngoại đến nay các bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo T người có ích cho gia đình và xã hội.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Hoàng Văn L là người cầm cái, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 tháng 06 ngày tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số 85/2016/HSST ngày 07/10/2016 chưa được xóa án tích và bị cáo Hoàng Văn H là người sử dụng số tiền lớn nhất vào việc đánh bạc và đã bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại bản án số: 72/2006/HSST ngày 30/11/2006, nên cần áp

dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo đã bị kết án về tội “Đánh bạc”, nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh là có căn cứ, về phần hình phạt đối với bị cáo H và bị cáo T là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị Q số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, đồng thời Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự về “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo L và bị cáo T là chưa chính xác. Về mức hình phạt và áp dụng hình phạt đối với các bị cáo L, Sơn, H4, G và K, Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng cho phù hợp, thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với Hoàng Ngọc Q có hành vi sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc dưới hình Tc đá gà với 01 đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch, do Q chưa có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc nên chưa đủ cơ sở để xử lý hành vi của Q. Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng tên Minh và một số đối tượng có mặt tại nơi đánh bạc đã bỏ chạy thoát, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên tách ra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Đỗ Phan Huyền V có hành vi sử dụng 500.000 đồng đánh bạc dưới hình Tc đá gà với 01 đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch, do V chưa có tiền án, tiền sự về tội Đánh bạc, tội Tổ chức đánh bạc nên chưa đủ cơ sở để xử lý hành vi của V. Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Lê G có hành vi sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc dưới hình Tc đá gà với 01 đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch, do G chưa có tiền án, tiền sự về tội Đánh bạc, tội Tổ chức đánh bạc nên chưa đủ cơ sở để xử lý hành vi của G. Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Hoàng Văn P; Phạm Văn U; Trần Quốc P1; Đặng Trần T và Đỗ Văn O, cơ quan điều tra không chứng minh được có hành vi Đánh bạc, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 26.150.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 cái bát bằng sành, 01 cái đĩa bằng sành, 01 cái chiếu hoa đã qua sử dụng, 04 con vị hình tròn và 01 bộ bài tây là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 và 01 ví da thu giữ trên người H4. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của H4, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho H4.

Đối với số tiền 30.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 và 01 ví da thu giữ trên người G. Quá trình điều tra chứng minh được số tiền 30.000 đồng G sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; còn 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 và 01 ví da là tài sản hợp pháp của G, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho G.

Đối với số tiền 40.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 thu giữ trên người của K thì đây là tài sản hợp pháp của K, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho K.

Đối với tiền 8.800.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Glaxy J7; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105; 01 ví da và 01 xe mô tô hiệu Honda Blade màu đen, BSKS: 93P1-835.51 là tài sản hợp pháp của P, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Cơ quan điều tra đã ra Q định xử lý vật chứng trả lại cho P (BL 158), nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 3.675.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 màu hồng và 01 ví da thu giữ trên người H. Quá trình điều tra xác định số tiền 3.675.000 đồng H sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước, còn 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 màu hồng và 01 ví da là tài sản hợp pháp của H, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho H.

Đối với số tiền 270.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh và 01 ví da thu giữ trên người T. Quá trình điều tra xác định số tiền 270.000 đồng T sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; còn 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh và 01 ví da là tài sản hợp pháp của T, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho T.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu trắng và 01 ví da thu giữ trên người Hoàng Ngọc Q. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Q, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho Q.

Đối với số tiền 5.220.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1 và 01 ví da thu giữ trên người Phạm Văn U thì đây là tài sản hợp pháp của U không sử dụng vào mục đích đánh bạc, Cơ quan điều tra đã ra Q định xử lý vật chứng trả lại cho U (BL 157), nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 3.600.000 đồng do Đỗ Phan Huyền V giao nộp là tài sản hợp pháp của V, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho V.

Đối với số tiền 8.650.000 đồng thu giữ trên người Q. Quá trình điều tra, Q khai nhận sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc T thua bằng tiền dưới hình Tc đá gà với 01 đối tượng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và T được 700.000 đồng. Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Exiter, biển số 93P2 – 073.33 quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Leo Văn T, sinh năm: 1973; HKTT: thôn 3, xã L, huyện P. Ngày 25/10/2017, ông T gửi xe ở nhà S2 để đi T phố Hồ Chí Minh, không sử dụng xe vào mục đích đánh bạc. Cơ quan điều tra đã ra Q định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho ông T (BL 156), nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Winner, màu xanh – đỏ, biển số: 93P1 – 962.38 quá trình điều tra xác định đây là xe mô tô biển số: 93K1 – 156.03 do ông Phạm T L, sinh năm: 1990; HKTT: thôn B, xã S, TX. P, Bình Phước đứng tên chủ sở hữu, quá trình làm việc L xác định khoảng tháng 6/2017 thì ông L bị mất trộm chiếc xe trên tại KP. 8, P. L, TX. P, tỉnh Bình Phước. Do đó, Cơ quan điều tra tách ra và chuyển cho Công an Thị xã Phước Long tiếp tục xác minh, xử lý theo thẩm quyền, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave RSX, màu đỏ - đen, biển số: 93P1 – 158.12 quá trình điều tra xác định xe do ông Lưu Văn T, sinh năm: 1986; HKTT: thôn 3, xã L, huyện P đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc ông T xác định vào đầu tháng 10/2017, ông Tâm có cho Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1994; HKTT: thôn 5, xã L, huyện P mượn, sau đó H cầm cố xe mô tô trên cho một người tên Lì (chưa rõ nhân thân, lai lịch), hiện tại Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Lì để xác định xe mô tô trên có liên quan đến vụ án hay không. Do đó, Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Shozuka Sirius, biển số: 93T8 – 7503. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên có biển số là 93T7 – 0227 do ông Trần Văn D; địa chỉ: KP. T Lợi, TT. T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, quá trình làm việc ông D không thừa nhận có đứng tên chủ sở hữu xe mô tô trên. Do đó, Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Exiter, màu đỏ - đen, biển số: 93P1- 128.65 quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Đỗ Văn O, sinh năm: 1978; HKTT: thôn 8, xã L, huyện P. Ngày 25/10/2017, ông O điều khiển xe mô tô trên đến địa điểm đánh bạc nhưng không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Cơ quan điều tra đã ra Q định xử lý vật chứng trả lại cho ông O, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha, biển số: 35N2 – 9817 quá trình điều tra xác định xe mô tô trên do H4 mượn của bà Nguyễn Thị D (mẹ vợ H4), sinh năm: 1964; HKTT: thôn 7, xã L, huyện P, khi H4 sử dụng xe mô tô đi đánh bạc thì bà Dương không biết. Qua làm việc thì bà D khai nhận mua xe mô tô trên của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch), giấy tờ mua bán và giấy đăng ký xe đã

bị thất lạc. Do đó, Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô hiệu Dream, biển số: 93K1 – 167.31 quá trình điều tra xác định do ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1982; HKTT: KP. 3, P. T, TX. P, T. Bình Phước đứng tên chủ sở hữu. ông T khai nhận vào khoảng tháng 7/2017, đã bán xe mô tô trên cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Cơ quan điều tra không có cơ sở để làm việc nên tách ra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 cái kéo bằng kim loại, S2 đưa cho L dùng để cắt các con vịt, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn L; Lê Văn Sơn; Hoàng Văn H; Phạm Đình T; Trần Văn H4; Nguyễn Lê G và Trịnh Duy K phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; các điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 22/01/2018.

Xử phạt bổ sung bị cáo Hoàng Văn L số tiền 5.000.000 (Năm triệu đồng), bị cáo phải thi hành án một lần số tiền trên khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 45; Điều 20; Điều 31; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 12 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2017 đến ngày 05/01/2018, tương đương với 03 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Q định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Lê Văn S về Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

1.3. Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 45; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 03 tháng 04 ngày tù, thời hạn tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2017 đến ngày 29/01/2018, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bổ sung bị cáo Hoàng Văn H số tiền 5.000.000 (Năm triệu đồng), bị cáo phải thi hành án một lần số tiền trên khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 248; các điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Đình T 03 tháng 04 ngày tù, thời hạn tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2017 đến ngày 29/01/2018, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 20; Điều 30; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H4 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê G 7.000.000đ (Bảy triệu đồng);

- Xử phạt bị cáo Trịnh Duy K 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Các bị cáo Trần Văn H4; Trịnh Duy K và Nguyễn Lê G phải thi hành án một lần số tiền trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 30.125.000đ (Ba mươi triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cái bát bằng sành, 01 cái đĩa bằng sành, 01 cái chiếu hoa đã qua sử dụng, 04 con vịt hình tròn và 01 bộ bài tây;

- Tuyên trả cho bị cáo H4 số tiền 20.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 và 01 ví da; trả cho bị cáo G 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 và 01 ví da; trả lại cho bị cáo K số tiền 40.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4; trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 màu hồng và 01 ví da; trả cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh và 01 ví da;

Tuyên trả cho Hoàng Ngọc Q 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu trắng và 01 ví da; trả cho Đỗ Phan Huyền V số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí các bị cáo Hoàng Văn L; Lê Văn Sơn; Hoàng Văn H; Trần Văn H4; Trịnh Duy K; Phạm Đình T và Nguyễn Lê G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Phán